

A. PHẦN TRẮC NGHIỆM (8.5 ĐIỂM)

Học sinh làm bài trên phiếu trả lời trắc nghiệm

PHẦN I. Câu trắc nghiệm nhiều phương án lựa chọn. Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 18. Mỗi câu hỏi thí sinh chỉ chọn một phương án.

Câu 1. Các chất được vận chuyển thụ động theo cơ chế

- A. thẩm thấu. B. thực bào. C. khuếch tán. D. xuất - nhập bào.

Câu 2. Ở người, loại tế bào nào sau đây chứa nhiều ti thể nhất?

- A. Tế bào gan. B. Tế bào hồng cầu. C. Tế bào thần kinh. D. Tế bào cơ tim.

Câu 3. Trong tế bào, dạng năng lượng được sử dụng chủ yếu cho các hoạt động sống là

- A. nhiệt năng. B. hóa năng. C. cơ năng. D. điện năng.

Câu 4. Nơi diễn ra các phản ứng hoá sinh của tế bào là

- A. Tế bào chất. B. Thành tế bào. C. Nhân. D. Màng tế bào.

Câu 5. Vai trò của enzyme là

- A. cung cấp năng lượng, giúp cơ thể hoạt động bình thường
B. tăng tốc độ phản ứng, nhờ đó hoạt động sống được duy trì.
C. vận chuyển oxygen và chất dinh dưỡng cho cơ thể.
D. tổng hợp các chất cần thiết cho tế bào và cơ thể.

Câu 6. Chuyển hóa năng lượng trong tế bào là

- A. sự truyền năng lượng từ cơ thể này sang cơ thể khác.
B. sự biến đổi năng lượng từ cơ thể này sang cơ thể khác.
C. sự biến đổi năng lượng từ dạng này sang dạng khác.
D. sự biến đổi năng lượng từ tế bào này sang tế bào khác.

Câu 7. Gọi là tế bào nhân thực vì

- A. có kích thước lớn
B. có hệ thống nội màng.
C. có vật chất di truyền là DNA.
D. có màng nhân bao bọc vật chất di truyền.

Câu 8. Bào quan duy nhất của tế bào nhân sơ là

- A. Ribosome 80S B. Plasmid. C. Ribosome 70S D. Nhân

Câu 9. Có hai con đường vận chuyển thụ động các chất qua màng là

- A. qua lớp phospholipid và cầu sinh chất.
B. qua lớp phospholipid và kênh glycoprotein.
C. qua lớp phospholipid và các mối nối.
D. qua lớp phospholipid và kênh protein.

Câu 10. Enzyme là

- A. chất xúc tác sinh học do tế bào chết tiết ra.
B. chất xúc tác sinh học do tế bào sống tổng hợp.
C. chất điều hòa sinh trưởng tế bào tổng hợp.
D. chất hữu cơ thể sản sinh để chống lại virus.

Câu 11. Khi ghép các mô và cơ quan từ người này sang người kia thì cơ thể người nhận lại có thể nhận biết các cơ quan “lạ” và đào thải các cơ quan đó là nhờ phân tử

- A. glycoprotein B. phospholipid C. cholesterol. D. carbohydrate

Câu 12. Nhân tế bào điều khiển mọi hoạt động sống của tế bào bằng cách nào?

- A. Thực hiện tự nhân đôi DNA và nhân đôi NST để tiến hành phân bào.
B. Thực hiện phân chia vật chất di truyền một cách đồng đều cho tế bào con.
C. Ra lệnh cho các bộ phận, các bào quan ở trong tế bào hoạt động.
D. Điều hòa sinh tổng hợp protein, protein sẽ thực hiện các chức năng.

Câu 13. Chức năng của lưới nội chất trơn là

- A. Tổng hợp các loại protein nội bào và protein tiết.
B. Mang, bảo quản và lưu trữ thông tin di truyền cho tế bào.
C. Tổng hợp lipid, chuyển hóa đường và khử độc cho tế bào.
D. Lắp ráp, đóng gói và phân phối các sản phẩm của tế bào.

Câu 14. Tế bào nhân sơ có đặc điểm nào sau đây?

- A. Kích thước nhỏ, có nhân hoàn chỉnh, có rất ít bào quan.
B. Kích thước nhỏ, chưa có nhân hoàn chỉnh, có nhiều bào quan.
C. Kích thước nhỏ, có nhân hoàn chỉnh, có nhiều bào quan.
D. Kích thước nhỏ, chưa có nhân hoàn chỉnh, có rất ít bào quan.

Câu 15. Màng trong ti thể chứa nhiều

- A. enzyme hô hấp. B. hormone. C. enzyme quang hợp. D. vitamin.

Câu 16. Chức năng của lục lạp là

- A. tổng hợp lipid. B. dịch mã C. quang hợp D. hô hấp tế bào.

Câu 17. Thành tế bào vi khuẩn cấu tạo từ

- A. peptidoglycan. B. polysaccharide. C. kitin. D. cellulose.

Câu 18. Testosterone là hormone sinh dục nam. Bào quan tổng hợp thành phần để tạo hormone này là

- A. lưới nội chất trơn. B. lưới nội chất hạt.
C. ribosome. D. bộ máy Golgi.

PHẦN II. Câu trắc nghiệm đúng sai. Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 4. Trong mỗi ý a), b), c), d) ở mỗi câu, thí sinh chọn Đúng hoặc Sai.

Câu 1. Mỗi nhận định sau đây là Đúng hay Sai khi nói về enzyme?

- a) Bản chất enzyme là protein hoặc protein kết hợp với các chất khác không phải là protein.
b) Enzyme làm tăng tốc độ phản ứng và sẽ bị phân hủy sau khi tham gia vào phản ứng.
c) Enzyme là thành phần không thể thiếu trong sản phẩm của phản ứng sinh hóa mà nó xúc tác.
d) Nhiệt độ thấp và nồng độ chất tan cao làm biến tính enzyme, khiến chúng mất khả năng xúc tác.

Câu 2. Mỗi nhận định sau đây là Đúng hay Sai khi nói về phương thức vận chuyển các chất qua màng tế bào?

- a) Sự vận chuyển các chất qua màng tế bào chủ yếu nhờ phương thức vận chuyển thụ động.
b) Glucose được tái hấp thu vào máu từ dịch lọc cầu thận nhờ cơ chế vận chuyển chủ động.
c) Nhờ cơ chế vận chuyển thụ động rễ cây có thể hấp thụ chất dinh dưỡng từ môi trường đất và có tiêu tốn năng lượng.
d) Xuất bào và nhập bào là kiểu vận chuyển các chất thông qua sự biến dạng của màng sinh chất.

Câu 3. Mỗi nhận định sau đây là Đúng hay Sai khi nói về tế bào nhân sơ?

- a) Plasmid đóng vai trò là phương tiện (vector) để đưa DNA ngoại lai vào tế bào chủ.
- b) Vùng nhân của tế bào nhân sơ chứa phân tử DNA dạng vòng và Plasmid.
- c) Plasmid có thể chứa các gen kháng thuốc, giúp vi khuẩn tồn tại trong môi trường có kháng sinh.
- d) Tế bào nhân sơ chưa có nhân hoàn chỉnh và đã xuất hiện 1 số bào quan có màng bao bọc.

Câu 4. Mỗi nhận định sau đây là Đúng hay Sai khi nói về màng sinh chất?

- a) Màng tế bào đóng vai trò như một "cánh cổng" kiểm soát chặt chẽ các chất di chuyển qua màng.
- b) Các phân tử protein chỉ bám ở mặt ngoài của lớp kép phospholipid.
- c) Trên màng tế bào thực vật có các phân tử cholesterol xen kẽ vào lớp kép phospholipid.
- d) Hai lớp phospholipid tạo cho màng có tính mềm dẻo tương đối.

--- HẾT PHẦN TRẮC NGHIỆM ---

<u>SBD (tự luận)</u>	KIỂM TRA CUỐI KỲ 1 – NĂM HỌC 2025-2026 Môn: SINH HỌC 10 – Thời gian làm bài: 45 phút; <i>(22 câu trắc nghiệm + 3 câu tự luận);</i> MÃ ĐỀ: 5101		Mật mã
Chữ ký giám thị	<u>ĐIỂM</u>	<u>Nhận xét của giáo viên</u>	Chữ ký giám khảo

- Học sinh không được sử dụng tài liệu.

B. PHẦN TỰ LUẬN (1,5 ĐIỂM)

Học sinh làm bài trên đề

Câu 1 (0,5 điểm): Vì sao nói thành tế bào của vi khuẩn là thành phần quan trọng giúp nhà vi khuẩn học người Đan Mạch Hans Christian Joachim Gram phát hiện ra 2 loại vi khuẩn là Gram âm và Gram dương?

.....

.....

.....

.....

.....

Câu 2 (0,5 điểm): So sánh sự khác nhau cơ bản về **cấu trúc màng** của ti thể và lục lạp ở tế bào nhân thực.

	Điểm khác nhau về cấu trúc màng
Ti thể	
Lục lạp	

Câu 3 (0,5 điểm): Móng giò hầm đu đủ xanh là một món ăn không chỉ thơm ngon, bổ dưỡng mà còn giúp các bà mẹ sau sinh có nhiều sữa. Một điều thú vị hơn là khi hầm móng giò với đu đủ xanh thì móng giò sẽ mềm hơn so với khi hầm với các loại rau, củ khác. Giải thích nguyên nhân dẫn đến hiện tượng trên?

.....

.....

.....

.....

.....

.....

--- HẾT ---

A. PHẦN TRẮC NGHIỆM (8,5 ĐIỂM)

Học sinh làm bài trên phiếu trả lời trắc nghiệm

PHẦN I. Câu trắc nghiệm nhiều phương án lựa chọn. Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 18. Mỗi câu hỏi thí sinh chỉ chọn một phương án.

Câu 1. Enzyme là

- A. chất xúc tác sinh học do tế bào chết tiết ra.
- B. chất hữu cơ thể sản sinh để chống lại virus.
- C. chất xúc tác sinh học do tế bào sống tổng hợp.
- D. chất điều hòa sinh trưởng tế bào tổng hợp.

Câu 2. Chức năng của lục lạp là

- A. quang hợp
- B. dịch mã
- C. hô hấp tế bào.
- D. tổng hợp lipid.

Câu 3. Trong tế bào, dạng năng lượng được sử dụng chủ yếu cho các hoạt động sống là

- A. nhiệt năng.
- B. hóa năng.
- C. điện năng.
- D. cơ năng.

Câu 4. Có hai con đường vận chuyển thụ động các chất qua màng là

- A. qua lớp phospholipid và kênh protein.
- B. qua lớp phospholipid và cầu sinh chất.
- C. qua lớp phospholipid và kênh glycoprotein.
- D. qua lớp phospholipid và các mối nối.

Câu 5. Bào quan duy nhất của tế bào nhân sơ là

- A. Plasmid.
- B. Ribosome 80S
- C. Ribosome 70S
- D. Nhân

Câu 6. Vai trò của enzyme là

- A. vận chuyển oxygen và chất dinh dưỡng cho cơ thể.
- B. cung cấp năng lượng, giúp cơ thể hoạt động bình thường
- C. tăng tốc độ phản ứng, nhờ đó hoạt động sống được duy trì.
- D. tổng hợp các chất cần thiết cho tế bào và cơ thể.

Câu 7. Nhân điều khiển mọi hoạt động sống của tế bào bằng cách nào?

- A. Thực hiện phân chia vật chất di truyền một cách đồng đều cho tế bào con.
- B. Điều hòa sinh tổng hợp protein, protein sẽ thực hiện các chức năng.
- C. Ra lệnh cho các bộ phận, các bào quan ở trong tế bào hoạt động.
- D. Thực hiện tự nhân đôi DNA và nhân đôi NST để tiến hành phân bào.

Câu 8. Tế bào nhân sơ có đặc điểm nào sau đây?

- A. Kích thước nhỏ, có nhân hoàn chỉnh, có rất ít bào quan.
- B. Kích thước nhỏ, có nhân hoàn chỉnh, có nhiều bào quan.
- C. Kích thước nhỏ, chưa có nhân hoàn chỉnh, có nhiều bào quan.
- D. Kích thước nhỏ, chưa có nhân hoàn chỉnh, có rất ít bào quan.

Câu 9. Khi ghép các mô và cơ quan từ người này sang người kia thì cơ thể người nhận lại có thể nhận biết các cơ quan “lạ” và đào thải các cơ quan đó là nhờ phân tử

- A. phospholipid
- B. carbohydrate
- C. cholesterol.
- D. glycoprotein

Câu 10. Gọi là tế bào nhân thực vì

- A. có kích thước lớn
- B. có hệ thống nội màng.
- C. có vật chất di truyền là DNA.
- D. có màng nhân bao bọc vật chất di truyền.

Câu 11. Màng trong ti thể chứa nhiều

- A. hormone.
- B. enzyme quang hợp.
- C. enzyme hô hấp.
- D. vitamin.

Câu 12. Các chất được vận chuyển thụ động theo cơ chế

- A. xuất - nhập bào.
- B. khuếch tán.
- C. thẩm thấu.
- D. thực bào.

Câu 13. Testosterone là hormone sinh dục nam. Bào quan tổng hợp thành phần để tạo hormone này là

- A. ribosome.
- B. bộ máy Golgi.
- C. lưới nội chất hạt.
- D. lưới nội chất trơn.

Câu 14. Ở người, loại tế bào nào sau đây chứa nhiều ti thể nhất?

- A. Tế bào gan.
- B. Tế bào thần kinh.
- C. Tế bào cơ tim.
- D. Tế bào hồng cầu.

Câu 15. Chức năng của lưới nội chất trơn là

- A. Lắp ráp, đóng gói và phân phối các sản phẩm của tế bào.
- B. Tổng hợp lipid, chuyển hóa đường và khử độc cho tế bào.
- C. Tổng hợp các loại protein nội bào và protein tiết.
- D. Mang, bảo quản và lưu trữ thông tin di truyền cho tế bào.

Câu 16. Nơi diễn ra các phản ứng hoá sinh của tế bào là

- A. Màng tế bào.
- B. Nhân.
- C. Thành tế bào.
- D. Tế bào chất.

Câu 17. Chuyển hóa năng lượng trong tế bào là

- A. sự biến đổi năng lượng từ cơ thể này sang cơ thể khác.
- B. sự biến đổi năng lượng từ dạng này sang dạng khác.
- C. sự biến đổi năng lượng từ tế bào này sang tế bào khác.
- D. sự truyền năng lượng từ cơ thể này sang cơ thể khác.

Câu 18. Thành tế bào vi khuẩn cấu tạo từ

- A. cellulose.
- B. kitin.
- C. polysaccharide.
- D. peptidoglycan.

PHẦN II. Câu trắc nghiệm đúng sai. Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 4. Trong mỗi ý a), b), c), d) ở mỗi câu, thí sinh chọn Đúng hoặc Sai.

Câu 1. Mỗi nhận định sau đây là Đúng hay Sai khi nói về enzyme?

- a) Enzyme là thành phần không thể thiếu trong sản phẩm của phản ứng sinh hóa mà nó xúc tác.
- b) Bản chất enzyme là protein hoặc protein kết hợp với các chất khác không phải là protein.
- c) Nhiệt độ thấp và nồng độ chất tan cao làm biến tính enzyme, khiến chúng mất khả năng xúc tác.
- d) Enzyme làm tăng tốc độ phản ứng và sẽ bị phân hủy sau khi tham gia vào phản ứng.

Câu 2. Mỗi nhận định sau đây là Đúng hay Sai khi nói về phương thức vận chuyển các chất qua màng tế bào?

- a) Glucose được tái hấp thu vào máu từ dịch lọc cầu thận nhờ cơ chế vận chuyển chủ động.
- b) Nhờ cơ chế vận chuyển thụ động rễ cây có thể hấp thụ chất dinh dưỡng từ môi trường đất và có tiêu tốn năng lượng.
- c) Xuất bào và nhập bào là kiểu vận chuyển các chất thông qua sự biến dạng của màng sinh chất.
- d) Sự vận chuyển các chất qua màng tế bào chủ yếu nhờ phương thức vận chuyển thụ động.

Câu 3. Mỗi nhận định sau đây là Đúng hay Sai khi nói về tế bào nhân sơ?

- a) Plasmid có thể chứa các gen kháng thuốc, giúp vi khuẩn tồn tại trong môi trường có kháng sinh.
- b) Vùng nhân của tế bào nhân sơ chứa phân tử DNA dạng vòng và Plasmid.
- c) Tế bào nhân sơ chưa có nhân hoàn chỉnh và đã xuất hiện 1 số bào quan có màng bao bọc.
- d) Plasmid đóng vai trò là phương tiện (vector) để đưa DNA ngoại lai vào tế bào chủ.

Câu 4. Mỗi nhận định sau đây là Đúng hay Sai khi nói về màng sinh chất?

- a) Trên màng tế bào thực vật có các phân tử cholesterol xen kẽ vào lớp kép phospholipid.
- b) Các phân tử protein chỉ bám ở mặt ngoài của lớp kép phospholipid.
- c) Hai lớp phospholipid tạo cho màng có tính mềm dẻo tương đối.
- d) Màng tế bào đóng vai trò như một "cánh cổng" kiểm soát chặt chẽ các chất di chuyển qua màng.

--- HẾT PHẦN TRẮC NGHIỆM ---

<u>SBD (tự luận)</u>	KIỂM TRA CUỐI KỲ 1 – NĂM HỌC 2025-2026 Môn: SINH HỌC 10 – Thời gian làm bài: 45 phút; <i>(22 câu trắc nghiệm + 3 câu tự luận);</i> MÃ ĐỀ: 5102		Mật mã
Chữ ký giám thị	<u>ĐIỂM</u>	<i><u>Nhận xét của giáo viên</u></i>	Chữ ký giám khảo

- Học sinh không được sử dụng tài liệu.

B. PHẦN TỰ LUẬN (1,5 ĐIỂM)

Học sinh làm bài trên đề

Câu 1 (0,5 điểm): Vì sao nói kích thước nhỏ đem lại lợi thế về quá trình trao đổi chất, sinh trưởng và sinh sản cho vi khuẩn?

.....

.....

.....

.....

.....

.....

Câu 2 (0,5 điểm): So sánh sự khác nhau cơ bản về **chức năng** của ti thể và lục lạp ở tế bào nhân thực.

	Điểm khác nhau về chức năng
Ti thể	
Lục lạp	

Câu 3 (0,5 điểm): Ở một số loài động vật như trâu, bò, dê, cừu,... cơ thể của chúng có khả năng tiêu hoá được cellulose thành phần có nhiều trong rom, cỏ, lá cây,..., trong khi con người thì không có khả năng tiêu hoá được cellulose có trong các loại rau xanh. Giải thích nguyên nhân của sự khác biệt trên?

.....

.....

.....

.....

.....

.....

A. PHẦN TRẮC NGHIỆM (8,5 ĐIỂM)

Học sinh làm bài trên phiếu trả lời trắc nghiệm

PHẦN I. Câu trắc nghiệm nhiều phương án lựa chọn. Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 18. Mỗi câu hỏi thí sinh chỉ chọn một phương án.

Câu 1. Testosterone là hormone sinh dục nam. Bào quan tổng hợp thành phần để tạo hormone này là

- A. ribosome. B. lưới nội chất hạt.
C. bộ máy Golgi. D. lưới nội chất trơn.

Câu 2. Bào quan duy nhất của tế bào nhân sơ là

- A. Ribosome 70S B. Nhân C. Ribosome 80S D. Plasmid.

Câu 3. Ở người, loại tế bào nào sau đây chứa nhiều ti thể nhất?

- A. Tế bào gan. B. Tế bào cơ tim. C. Tế bào hồng cầu. D. Tế bào thần kinh.

Câu 4. Enzyme là

- A. chất hữu cơ thể sản sinh để chống lại virus.
B. chất xúc tác sinh học do tế bào sống tổng hợp.
C. chất điều hòa sinh trưởng tế bào tổng hợp.
D. chất xúc tác sinh học do tế bào chết tiết ra.

Câu 5. Trong tế bào, dạng năng lượng được sử dụng chủ yếu cho các hoạt động sống là

- A. nhiệt năng. B. điện năng. C. hóa năng. D. cơ năng.

Câu 6. Chức năng của lục lạp là

- A. hô hấp tế bào. B. quang hợp C. dịch mã D. tổng hợp lipid.

Câu 7. Chức năng của lưới nội chất trơn là

- A. Tổng hợp lipid, chuyển hóa đường và khử độc cho tế bào.
B. Tổng hợp các loại protein nội bào và protein tiết.
C. Lắp ráp, đóng gói và phân phối các sản phẩm của tế bào.
D. Mang, bảo quản và lưu trữ thông tin di truyền cho tế bào.

Câu 8. Thành tế bào vi khuẩn cấu tạo từ

- A. peptidoglican. B. cellulose. C. kitin. D. polysaccharide.

Câu 9. Màng trong ti thể chứa nhiều

- A. enzyme hô hấp. B. enzyme quang hợp. C. hormone. D. vitamin.

Câu 10. Nhân điều khiển mọi hoạt động sống của tế bào bằng cách nào?

- A. Thực hiện tự nhân đôi DNA và nhân đôi NST để tiến hành phân bào.
B. Thực hiện phân chia vật chất di truyền một cách đồng đều cho tế bào con.
C. Điều hòa sinh tổng hợp protein, protein sẽ thực hiện các chức năng.
D. Ra lệnh cho các bộ phận, các bào quan ở trong tế bào hoạt động.

Câu 11. Gọi là tế bào nhân thực vì

- A. có vật chất di truyền là DNA. B. có kích thước lớn
C. có hệ thống nội màng. D. có màng nhân bao bọc vật chất di truyền.

Câu 12. Chuyển hóa năng lượng trong tế bào là

- A. sự biến đổi năng lượng từ tế bào này sang tế bào khác.
- B. sự truyền năng lượng từ cơ thể này sang cơ thể khác.
- C. sự biến đổi năng lượng từ cơ thể này sang cơ thể khác.
- D. sự biến đổi năng lượng từ dạng này sang dạng khác.

Câu 13. Các chất được vận chuyển thụ động theo cơ chế

- A. thẩm thấu.
- B. xuất - nhập bào.
- C. khuếch tán.
- D. thực bào.

Câu 14. Có hai con đường vận chuyển thụ động các chất qua màng là

- A. qua lớp phospholipid và kênh glycoprotein.
- B. qua lớp phospholipid và cầu sinh chất.
- C. qua lớp phospholipid và kênh protein.
- D. qua lớp phospholipid và các mối nối.

Câu 15. Nơi diễn ra các phản ứng hoá sinh của tế bào là

- A. Màng tế bào.
- B. Tế bào chất.
- C. Nhân.
- D. Thành tế bào.

Câu 16. Khi ghép các mô và cơ quan từ người này sang người kia thì cơ thể người nhận lại có thể nhận biết các cơ quan “lạ” và đào thải các cơ quan đó là nhờ phân tử

- A. glycoprotein
- B. phospholipid
- C. cholesterol.
- D. carbohydrate

Câu 17. Vai trò của enzyme là

- A. tăng tốc độ phản ứng, nhờ đó hoạt động sống được duy trì.
- B. cung cấp năng lượng, giúp cơ thể hoạt động bình thường
- C. vận chuyển oxygen và chất dinh dưỡng cho cơ thể.
- D. tổng hợp các chất cần thiết cho tế bào và cơ thể.

Câu 18. Tế bào nhân sơ có đặc điểm nào sau đây?

- A. Kích thước nhỏ, chưa có nhân hoàn chỉnh, có nhiều bào quan.
- B. Kích thước nhỏ, có nhân hoàn chỉnh, có nhiều bào quan.
- C. Kích thước nhỏ, có nhân hoàn chỉnh, có rất ít bào quan.
- D. Kích thước nhỏ, chưa có nhân hoàn chỉnh, có rất ít bào quan.

PHẦN II. Câu trắc nghiệm đúng sai. Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 4. Trong mỗi ý a), b), c), d) ở mỗi câu, thí sinh chọn Đúng hoặc Sai.

Câu 1. Mỗi nhận định sau đây là Đúng hay Sai khi nói về tế bào nhân sơ?

- a) Vùng nhân của tế bào nhân sơ chứa phân tử DNA dạng vòng và Plasmid.
- b) Tế bào nhân sơ chưa có nhân hoàn chỉnh và đã xuất hiện 1 số bào quan có màng bao bọc.
- c) Plasmid có thể chứa các gen kháng thuốc, giúp vi khuẩn tồn tại trong môi trường có kháng sinh.
- d) Plasmid đóng vai trò là phương tiện (vector) để đưa DNA ngoại lai vào tế bào chủ.

Câu 2. Mỗi nhận định sau đây là Đúng hay Sai khi nói về phương thức vận chuyển các chất qua màng tế bào?

- a) Xuất bào và nhập bào là kiểu vận chuyển các chất thông qua sự biến dạng của màng sinh chất.
- b) Sự vận chuyển các chất qua màng tế bào chủ yếu nhờ phương thức vận chuyển thụ động.
- c) Nhờ cơ chế vận chuyển thụ động rễ cây có thể hấp thụ chất dinh dưỡng từ môi trường đất và có tiêu tốn năng lượng.
- d) Glucose được tái hấp thu vào máu từ dịch lọc cầu thận nhờ cơ chế vận chuyển chủ động.

Câu 3. Mỗi nhận định sau đây là Đúng hay Sai khi nói về màng sinh chất?

- a) Màng tế bào đóng vai trò như một "cánh cổng" kiểm soát chặt chẽ các chất di chuyển qua màng.
- b) Hai lớp phospholipid tạo cho màng có tính mềm dẻo tương đối.
- c) Trên màng tế bào thực vật có các phân tử cholesterol xen kẽ vào lớp kép phospholipid.
- d) Các phân tử protein chỉ bám ở mặt ngoài của lớp kép phospholipid.

Câu 4. Mỗi nhận định sau đây là Đúng hay Sai khi nói về enzyme?

- a) Bản chất enzyme là protein hoặc protein kết hợp với các chất khác không phải là protein.
- b) Enzyme là thành phần không thể thiếu trong sản phẩm của phản ứng sinh hóa mà nó xúc tác.
- c) Nhiệt độ thấp và nồng độ chất tan cao làm biến tính enzyme, khiến chúng mất khả năng xúc tác.
- d) Enzyme làm tăng tốc độ phản ứng và sẽ bị phân hủy sau khi tham gia vào phản ứng.

--- HẾT PHẦN TRẮC NGHIỆM ---

<u>SBD (tự luận)</u>	KIỂM TRA CUỐI KỲ 1 – NĂM HỌC 2025-2026 Môn: SINH HỌC 10 – Thời gian làm bài: 45 phút; <i>(22 câu trắc nghiệm + 3 câu tự luận);</i> MÃ ĐỀ: 5103		Mật mã
Chữ ký giám thị	<u>ĐIỂM</u>	<u>Nhận xét của giáo viên</u>	Chữ ký giám khảo

- Học sinh không được sử dụng tài liệu.

B. PHẦN TỰ LUẬN (1,5 ĐIỂM)

Học sinh làm bài trên đề

Câu 1 (0.5 điểm): Vì sao nói thành tế bào của vi khuẩn là thành phần quan trọng giúp nhà vi khuẩn học người Đan Mạch Hans Christian Joachim Gram phát hiện ra 2 loại vi khuẩn là Gram âm và Gram dương?

.....

.....

.....

.....

.....

.....

Câu 2 (0,5 điểm): So sánh sự khác nhau cơ bản về **cấu trúc màng** của ti thể và lục lạp ở tế bào nhân thực.

	Điểm khác nhau về cấu trúc màng
Ti thể	
Lục lạp	

Câu 3 (0.5 điểm): Móng giò hầm đu đủ xanh là một món ăn không chỉ thơm ngon, bổ dưỡng mà còn giúp các bà mẹ sau sinh có nhiều sữa. Một điều thú vị hơn là khi hầm móng giò với đu đủ xanh thì móng giò sẽ mềm hơn so với khi hầm với các loại rau, củ khác. Giải thích nguyên nhân dẫn đến hiện tượng trên?

.....

.....

.....

.....

.....

.....

--- HẾT ---

A. PHẦN TRẮC NGHIỆM (8,5 ĐIỂM)

Học sinh làm bài trên phiếu trả lời trắc nghiệm

PHẦN I. Câu trắc nghiệm nhiều phương án lựa chọn. Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 18. Mỗi câu hỏi thí sinh chỉ chọn một phương án.

Câu 1. Testosteron là hormone sinh dục nam. Bào quan tổng hợp thành phần để tạo hormone này là

- A.** ribosome.
C. bộ máy Golgi.

Câu 2. Ở người, loại tế bào nào sau đây chứa nhiều ti thể nhất?

- A. Tế bào thần kinh. B. Tế bào cơ tim. C. Tế bào gan. D. Tế bào hồng cầu.**

Câu 3. Tế bào nhân sơ có đặc điểm nào sau đây?

- A.** Kích thước nhỏ, chưa có nhân hoàn chỉnh, có rất ít bào quan.
B. Kích thước nhỏ, chưa có nhân hoàn chỉnh, có nhiều bào quan.
C. Kích thước nhỏ, có nhân hoàn chỉnh, có nhiều bào quan.
D. Kích thước nhỏ, có nhân hoàn chỉnh, có rất ít bào quan.

Câu 4. Khi ghép các mô và cơ quan từ người này sang người kia thì cơ thể người nhận lại có thể nhận biết các cơ quan “lạ” và đào thải các cơ quan đó là nhờ phân tử

- A.** glycoprotein **B.** phospholipid **C.** carbohydrate **D.** cholesterol.

Câu 5. Gọi là tế bào nhân thực vì

- A.** có vật chất di truyền là DNA.
B. có màng nhân bao bọc vật chất di truyền.
C. có hệ thống nội màng.
D. có kích thước lớn

Câu 6. Các chất được vận chuyển thụ động theo cơ chế

- A.** thẩm thấu. **B.** thực bào. **C.** khuếch tán. **D.** xuất - nhập bào.

Câu 7. Nhân điều khiển mọi hoạt động sống của tế bào bằng cách nào?

- A.** Điều hòa sinh tổng hợp protein, protein sẽ thực hiện các chức năng.
B. Ra lệnh cho các bộ phận, các bào quan ở trong tế bào hoạt động.
C. Thực hiện tự nhân đôi DNA và nhân đôi NST để tiến hành phân bào.
D. Thực hiện phân chia vật chất di truyền một cách đồng đều cho tế bào con.

Câu 8. Chuyển hóa năng lượng trong tế bào là

- A.** sự biến đổi năng lượng từ tế bào này sang tế bào khác.
B. sự truyền năng lượng từ cơ thể này sang cơ thể khác.
C. sự biến đổi năng lượng từ cơ thể này sang cơ thể khác.
D. sự biến đổi năng lượng từ dạng này sang dạng khác.

Câu 9. Bào quan duy nhất của tế bào nhân sơ là

- A. Ribosome 80S** **B. Plasmid.** **C. Ribosome 70S** **D. Nhân**

Câu 10. Thành tế bào vi khuẩn cấu tạo từ

- A.** peptidoglican. **B.** kitin. **C.** polysaccharide. **D.** cellulose.

- Câu 11.** Trong tế bào, dạng năng lượng được sử dụng chủ yếu cho các hoạt động sống là
A. điện năng. **B.** hóa năng. **C.** nhiệt năng. **D.** cơ năng.
- Câu 12.** Chức năng của lục lạp là
A. tổng hợp lipid. **B.** hô hấp tế bào. **C.** quang hợp **D.** dịch mã
- Câu 13.** Nơi diễn ra các phản ứng hoá sinh của tế bào là
A. Nhân. **B.** Thành tế bào. **C.** Màng tế bào. **D.** Tế bào chất.
- Câu 14.** Vai trò của enzyme là
A. tăng tốc độ phản ứng, nhờ đó hoạt động sống được duy trì.
B. vận chuyển oxygen và chất dinh dưỡng cho cơ thể.
C. tổng hợp các chất cần thiết cho tế bào và cơ thể.
D. cung cấp năng lượng, giúp cơ thể hoạt động bình thường
- Câu 15. Enzyme là**
A. chất điều hòa sinh trưởng tế bào tổng hợp.
B. chất xúc tác sinh học do tế bào sống tổng hợp.
C. chất hữu cơ thể sản sinh để chống lại virus.
D. chất xúc tác sinh học do tế bào chết tiết ra.
- Câu 16.** Màng trong ti thể chứa nhiều
A. enzyme quang hợp. **B.** vitamin. **C.** enzyme hô hấp. **D.** hormone.
- Câu 17.** Có hai con đường vận chuyển thụ động các chất qua màng là
A. qua lớp phospholipid và cầu sinh chất.
B. qua lớp phospholipid và các mối nối.
C. qua lớp phospholipid và kênh glycoprotein.
D. qua lớp phospholipid và kênh protein.
- Câu 18.** Chức năng của lưới nội chất trơn là
A. Lắp ráp, đóng gói và phân phối các sản phẩm của tế bào.
B. Tổng hợp các loại protein nội bào và protein tiết.
C. Mang, bảo quản và lưu trữ thông tin di truyền cho tế bào.
D. Tổng hợp lipid, chuyển hóa đường và khử độc cho tế bào.

PHẦN II. Câu trắc nghiệm đúng sai. Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 4. Trong mỗi ý a), b), c), d) ở mỗi câu, thí sinh chọn Đúng hoặc Sai.

Câu 1. Mỗi nhận định sau đây là Đúng hay Sai khi nói về phương thức vận chuyển các chất qua màng tế bào?

- a)** Glucose được tái hấp thu vào máu từ dịch lọc cầu thận nhờ cơ chế vận chuyển chủ động.
- b)** Sự vận chuyển các chất qua màng tế bào chủ yếu nhờ phương thức vận chuyển thụ động.
- c)** Nhờ cơ chế vận chuyển thụ động rễ cây có thể hấp thụ chất dinh dưỡng từ môi trường đất và có tiêu tốn năng lượng.
- d)** Xuất bào và nhập bào là kiểu vận chuyển các chất thông qua sự biến dạng của màng sinh chất.

Câu 2. Mỗi nhận định sau đây là Đúng hay Sai khi nói về tế bào nhân sơ?

- a)** Tế bào nhân sơ chưa có nhân hoàn chỉnh và đã xuất hiện 1 số bào quan có màng bao bọc.
- b)** Plasmid đóng vai trò là phương tiện (vector) để đưa DNA ngoại lai vào tế bào chủ.
- c)** Vùng nhân của tế bào nhân sơ chứa phân tử DNA dạng vòng và Plasmid.
- d)** Plasmid có thể chứa các gen kháng thuốc, giúp vi khuẩn tồn tại trong môi trường có kháng sinh.

Câu 3. Mỗi nhận định sau đây là Đúng hay Sai khi nói về enzyme?

- a) Bản chất enzyme là protein hoặc protein kết hợp với các chất khác không phải là protein.
- b) Enzyme là thành phần không thể thiếu trong sản phẩm của phản ứng sinh hóa mà nó xúc tác.
- c) Nhiệt độ thấp và nồng độ chất tan cao làm biến tính enzyme, khiến chúng mất khả năng xúc tác.
- d) Enzyme làm tăng tốc độ phản ứng và sẽ bị phân hủy sau khi tham gia vào phản ứng.

Câu 4. Mỗi nhận định sau đây là Đúng hay Sai khi nói về màng sinh chất?

- a) Trên màng tế bào thực vật có các phân tử cholesterol xen kẽ vào lớp kép phospholipid.
- b) Các phân tử protein chỉ bám ở mặt ngoài của lớp kép phospholipid.
- c) Hai lớp phospholipid tạo cho màng có tính mềm dẻo tương đối.
- d) Màng tế bào đóng vai trò như một "cánh cổng" kiểm soát chặt chẽ các chất di chuyển qua màng.

--- HẾT PHẦN TRẮC NGHIỆM ---

<u>SBD (tự luận)</u>	KIỂM TRA CUỐI KỲ 1 – NĂM HỌC 2025-2026 Môn: SINH HỌC 10 – Thời gian làm bài: 45 phút; <i>(22 câu trắc nghiệm + 3 câu tự luận);</i> MÃ ĐỀ: 5104		Mật mã
Chữ ký giám thị	<u>ĐIỂM</u>	<u>Nhận xét của giáo viên</u>	Chữ ký giám khảo

- Học sinh không được sử dụng tài liệu.

B. PHẦN TỰ LUẬN (1,5 ĐIỂM)

Học sinh làm bài trên đề

Câu 1 (0,5 điểm): Vì sao nói kích thước nhỏ đem lại lợi thế về quá trình trao đổi chất, sinh trưởng và sinh sản cho vi khuẩn?

.....

.....

.....

.....

.....

.....

Câu 2 (0,5 điểm): So sánh sự khác nhau cơ bản về **chức năng** của ti thể và lục lạp ở tế bào nhân thực.

	Điểm khác nhau về chức năng
Ti thể	
Lục lạp	

Câu 3 (0,5 điểm): Ở một số loài động vật như trâu, bò, dê, cừu,... cơ thể của chúng có khả năng tiêu hoá được cellulose thành phần có nhiều trong rơm, cỏ, lá cây,..., trong khi con người thì không có khả năng tiêu hoá được cellulose có trong các loại rau xanh. Giải thích nguyên nhân của sự khác biệt trên?

.....

.....

.....

.....

.....

.....

--- HẾT ---

<u>SBD (tự luận)</u>	KIỂM TRA CUỐI KỲ 1 – NĂM HỌC 2025-2026 Môn: SINH HỌC 10 – Thời gian làm bài: 45 phút; <i>(22 câu trắc nghiệm + 3 câu tự luận);</i> MÃ ĐỀ: GỐC		Mật mã
Chữ ký giám thị	<u>ĐIỂM</u>	<u>Nhận xét của giáo viên</u>	Chữ ký giám khảo

PHẦN I. Câu trắc nghiệm nhiều phương án lựa chọn. Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 18. Mỗi câu hỏi thí sinh chỉ chọn một phương án.

Câu 1. Tế bào nhân sơ có đặc điểm nào sau đây?

- A. Kích thước nhỏ, chưa có nhân hoàn chỉnh, có nhiều bào quan.
- B.** Kích thước nhỏ, chưa có nhân hoàn chỉnh, có rất ít bào quan.
- C. Kích thước nhỏ, có nhân hoàn chỉnh, có rất ít bào quan.
- D. Kích thước nhỏ, có nhân hoàn chỉnh, có nhiều bào quan.

Câu 2. Bào quan duy nhất của tế bào nhân sơ là

- A. Ribosome 80S
- B.** Ribosome 70S
- C. Plasmid.
- D. Nhân

Câu 3. Thành tế bào vi khuẩn cấu tạo từ

- A. cellulose.
- B.** polysaccharide.
- C. kitin.
- D.** peptidoglican.

Câu 4. Nơi diễn ra các phản ứng hoá sinh của tế bào là

- A.** Tế bào chất.
- B.** Nhân.
- C. Thành tế bào.
- D. Màng tế bào.

Câu 5. Gọi là tế bào nhân thực vì

- A. có hệ thống nội màng.
- B.** có vật chất di truyền là DNA.
- C. có kích thước lớn
- D.** có màng nhân bao bọc vật chất di truyền.

Câu 6. Nhân điều khiển mọi hoạt động sống của tế bào bằng cách nào?

- A. Ra lệnh cho các bộ phận, các bào quan ở trong tế bào hoạt động.
- B.** Thực hiện tự nhân đôi DNA và nhân đôi NST để tiến hành phân bào.
- C.** Điều hòa sinh tổng hợp protein, protein sẽ thực hiện các chức năng.
- D. Thực hiện phân chia vật chất di truyền một cách đồng đều cho tế bào con.

Câu 7. Chức năng của lưới nội chất trơn là

- A. Tổng hợp các loại protein nội bào và protein tiết.
- B.** Lắp ráp, đóng gói và phân phối các sản phẩm của tế bào.
- C.** Tổng hợp lipid, chuyển hóa đường và khử độc cho tế bào.
- D. Mang, bảo quản và lưu trữ thông tin di truyền cho tế bào.

Câu 8. Màng trong ti thể chứa nhiều

- A.** enzyme hô hấp.
- B.** enzyme quang hợp.
- C. vitamin.
- D. hormone.

Câu 9. Chức năng của lục lạp là

- A. dịch mã
- B.** tổng hợp lipid.
- C. hô hấp tế bào.
- D.** quang hợp

Câu 10. Khi ghép các mô và cơ quan từ người này sang người kia thì cơ thể người nhận lại có thể nhận biết các cơ quan “lạ” và đào thải các cơ quan đó là nhờ phân tử

- A.** glycoprotein
- B.** carbohydrate
- C. phospholipid
- D. cholesterol.

Câu 11. Testosterone là hormone sinh dục nam. Bào quan tổng hợp thành phần để tạo hormone này là

- A. lưới nội chất hạt.
- B.** ribosome.
- C.** lưới nội chất trơn.
- D. bộ máy Golgi.

Câu 12. Ở người, loại tế bào nào sau đây chứa nhiều ti thể nhất?

A. Tế bào hồng cầu.

B. Tế bào gan.

C. Tế bào cơ tim.

D. Tế bào thần kinh.

Câu 13. Có hai con đường vận chuyển thụ động các chất qua màng là

A. qua lớp phospholipid và kênh glycoprotein.

B. qua lớp phospholipid và cầu sinh chất.

C. qua lớp phospholipid và các mối nối.

D. qua lớp phospholipid và kênh protein.

Câu 14. Các chất được vận chuyển thụ động theo cơ chế

A. khuếch tán.

B. xuất - nhập bào.

C. thực bào.

D. thẩm thấu.

Câu 15. Trong tế bào, dạng năng lượng được sử dụng chủ yếu cho các hoạt động sống là

A. hóa năng.

B. nhiệt năng.

C. điện năng.

D. cơ năng.

Câu 16. Chuyển hóa năng lượng trong tế bào là

A. sự biến đổi năng lượng từ dạng này sang dạng khác.

B. sự truyền năng lượng từ cơ thể này sang cơ thể khác.

C. sự biến đổi năng lượng từ cơ thể này sang cơ thể khác.

D. sự biến đổi năng lượng từ tế bào này sang tế bào khác.

Câu 17. Enzyme là

A. chất xúc tác sinh học do tế bào chết tiết ra.

B. chất điều hòa sinh trưởng tế bào tổng hợp.

C. chất xúc tác sinh học do tế bào sống tổng hợp.

D. chất hữu cơ thể sản sinh để chống lại virus.

Câu 18. Vai trò của enzyme là

A. vận chuyển oxygen và chất dinh dưỡng cho cơ thể.

B. tăng tốc độ phản ứng, nhờ đó hoạt động sống được duy trì.

C. tổng hợp các chất cần thiết cho tế bào và cơ thể.

D. cung cấp năng lượng, giúp cơ thể hoạt động bình thường

<g3>

PHẦN II. Câu trắc nghiệm đúng sai. Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 4. Trong mỗi ý a), b), c), d) ở mỗi câu, thí sinh chọn Đúng hoặc Sai.

Câu 1. Mỗi nhận định sau đây là Đúng hay Sai khi nói về tế bào nhân sơ?

a. Tế bào nhân sơ chưa có nhân hoàn chỉnh và đã xuất hiện 1 số bào quan có màng bao bọc.

b. Vùng nhân của tế bào nhân sơ chứa phân tử DNA dạng vòng và Plasmid.

c. Plasmid chứa các gen kháng thuốc, giúp vi khuẩn tồn tại trong môi trường có kháng sinh.

d. Plasmid đóng vai trò là phương tiện (vector) để đưa DNA ngoại lai vào tế bào chủ.

Câu 2. Mỗi nhận định sau đây là Đúng hay Sai khi nói về màng sinh chất?

a. Hai lớp phospholipid tạo cho màng có tính mềm dẻo tương đối.

b. Màng tế bào đóng vai trò như một "cánh cổng" kiểm soát chặt chẽ các chất di chuyển qua màng.

c. Trên màng tế bào thực vật có các phân tử cholesterol xen kẽ vào lớp kép phospholipid.

d. Các phân tử protein chỉ bám ở mặt ngoài của lớp kép phospholipid.

Câu 3. Mỗi nhận định sau đây là Đúng hay Sai khi nói về phương thức vận chuyển các chất qua màng tế bào?

a. Sự vận chuyển các chất qua màng tế bào chủ yếu nhờ phương thức vận chuyển thụ động.

b. Xuất bào và nhập bào là kiểu vận chuyển các chất thông qua sự biến dạng của màng sinh chất.

c. Nhờ cơ chế vận chuyển thụ động rễ cây có thể hấp thụ chất dinh dưỡng từ môi trường đất.

d. Glucose được tái hấp thu vào máu từ dịch lọc cầu thận nhờ cơ chế vận chuyển chủ động.

Câu 4. Mỗi nhận định sau đây là Đúng hay Sai khi nói về enzyme?

a. Bản chất enzyme là protein hoặc protein kết hợp với các chất khác không phải là protein.

b. Enzyme làm tăng tốc độ phản ứng và sẽ bị phân hủy sau khi tham gia vào phản ứng.

- c. Enzyme là thành phần không thể thiếu trong sản phẩm của phản ứng sinh hóa mà nó xúc tác.
d. Nhiệt độ thấp và nồng độ chất tan cao làm biến tính enzyme, khiến chúng mất khả năng xúc tác.

III. PHẦN TỰ LUẬN (1,5 ĐIỂM)

ĐỀ LỄ (5101/5103)

Câu 1 (0.5 điểm): Vì sao nói thành tế bào của vi khuẩn là thành phần quan trọng giúp nhà vi khuẩn học người Đan Mạch Hans Christian Joachim Gram phát hiện ra 2 loại vi khuẩn là Gram âm và Gram dương?

Câu 2 (0,5 điểm): So sánh sự khác nhau cơ bản về **cấu trúc màng** của ti thể và lục lạp ở tế bào nhân thực.

Câu 3 (0.5 điểm): Móng giò hầm đu đủ xanh là một món ăn không chỉ thơm ngon, bổ dưỡng mà còn giúp các bà mẹ sau sinh có nhiều sữa. Một điều thú vị hơn là khi hầm móng giò với đu đủ xanh thì móng giò sẽ mềm hơn so với khi hầm với các loại rau, củ khác. Nguyên nhân nào dẫn đến hiện tượng trên?

ĐỀ CHẤM (5102/5104)

Câu 1 (0.5 điểm): Vì sao nói kích thước nhỏ đem lại lợi thế về quá trình trao đổi chất, sinh trưởng và sinh sản cho vi khuẩn?

Câu 2 (0,5 điểm): So sánh sự khác nhau cơ bản về **chức năng** của ti thể và lục lạp ở tế bào nhân thực.

Câu 3 (0.5 điểm): Ở một số loài động vật như trâu, bò, dê, cừu,... cơ thể của chúng có khả năng tiêu hoá được cellulose thành phần có nhiều trong rom, cỏ, lá cây,..., trong khi con người thì không có khả năng tiêu hoá được cellulose có trong các loại rau xanh. Giải thích nguyên nhân của sự khác biệt trên?

ĐÁP ÁN SINH 10 THI CUỐI KÌ- NĂM HỌC: 2025-2026

Phần	Câu hỏi	5101	5102	5103	5104
I	1	C	C	D	B
I	2	D	A	A	B
I	3	B	B	B	A
I	4	A	A	B	A
I	5	B	C	C	B
I	6	C	C	B	C
I	7	D	B	A	A
I	8	C	D	A	D
I	9	D	D	A	C
I	10	B	D	C	A
I	11	A	C	D	B
I	12	D	B	D	C
I	13	C	D	C	D
I	14	D	C	C	A
I	15	A	B	B	B
I	16	C	D	A	C
I	17	A	B	A	D
I	18	A	D	D	D
II	1	DSDS	DDSS	SSDD	DSSD
II	2	SDSD	DSDS	DSSD	SDSD
II	3	DSDS	DSSD	DDSS	DDSS
II	4	DSSD	SSDD	DDSS	SSDD

ĐÁP ÁN PHẦN TỰ LUẬN THI CUỐI KÌ- Năm học: 2025-2026

Môn: SINH HỌC 10

ĐỀ LỀ (5101/51013)	ĐỀ CHẤN (5102/5104)
Câu 1 (0.5 điểm). Vì sao nói thành tế bào của vi khuẩn là thành phần quan trọng giúp nhà vi khuẩn học người Đan Mạch Hans Christian Joachim Gram phát hiện ra 2 loại vi khuẩn là Gram âm và Gram dương? -Thành phần hóa học chủ yếu: peptidoglycan - Lớp peptidoglycan cấu tạo nên thành tế bào của vi khuẩn có độ dày mỏng khác nhau; dựa vào đặc tính này mà Gram đã phát hiện ra phương pháp nhuộm Gram và từ đó phát hiện ra 2 loại vi khuẩn Gram âm và Gram dương bằng phương pháp nhuộm Gram.	Câu 1 (0.5 điểm). Vì sao nói kích thước nhỏ đem lại lợi thế về quá trình trao đổi chất, sinh trưởng và sinh sản cho vi khuẩn? - Kích thước nhỏ thì tỉ lệ S/V lớn. - Khả năng trao đổi chất với môi trường nhanh, quá trình sinh trưởng sinh sản nhanh, phát tán rộng.
Câu 2 (0.5 điểm). - Lục lạp là bào quan được bao bọc bởi màng kép. - Ti thể được bao bọc bởi màng kép (màng ngoài trơn nhẵn, màng trong gấp nếp).	Câu 2 (0.5 điểm). - Lục lạp có chức năng quang hợp, tổng hợp các chất cần thiết cho tế bào. - Ti thể có vai trò cung cấp năng lượng cho các hoạt động sống của tế bào.
Câu 3 (0.5 điểm). Móng giò hầm đu đủ xanh là một món ăn không chỉ thơm ngon, bổ dưỡng mà còn giúp các bà mẹ sau sinh có nhiều sữa. Một điều thú vị hơn	Câu 3 (0.5 điểm). Tại sao cơ thể động vật có thể tiêu hoá được rơm, cỏ, củ,... có thành phần là cellulose, trong khi con người không thể tiêu

là khi hầm móng giò với đu đủ xanh thì móng giò sẽ mềm hơn so với khi hầm với các loại rau, củ khác. Nguyên nhân nào dẫn đến hiện tượng trên? - Trong quả đu đủ xanh có chứa enzyme Papain có khả năng phân giải protein thịt trong móng giò	hoá được cellulose? - Dạ dày của các loài động vật có nhiều vi sinh vật sống cộng sinh tiết ra enzyme cellulase phân giải cellulose. - Dạ dày ở người có cấu tạo dạ dày đơn, không có cellulase không thể tiêu hoá được cellulose.
--	--